

ĐẠI VIỆT TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TRIỀU MINH ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á VÀO CUỐI THẾ KỶ XIV - ĐẦU THẾ KỶ XV

NGUYỄN NHẬT LINH*

Tóm tắt: Trong nửa sau thế kỷ XIV và những năm đầu thế kỷ XV, chính sách đối ngoại của vương triều Minh đã tạo ra những chuyển biến lớn trong nền chính trị Đông Nam Á. Do vị thế đặc biệt quan trọng của mình trong mối liên hệ giữa Trung Quốc với Đông Nam Á, Đại Việt là quốc gia chịu nhiều tác động nhất từ sự thay đổi chính sách đối ngoại của triều Minh. Ngược lại, những chuyển biến trong quan hệ Minh-Đại Việt và sự xâm lược Đại Việt của triều Minh (1406-1407) cũng đã để lại những dấu ấn và ảnh hưởng sâu sắc trong quan hệ giữa triều Minh với Đông Nam Á.

Từ khóa: Chính sách đối ngoại; Triều Minh; Quan hệ Minh-Việt; Đông Nam Á.

1. Chính sách đối ngoại và quan hệ của triều Minh với Đông Nam Á cuối thế kỷ XIV - đầu thế kỷ XV

Sau khi thành lập vào năm 1368, vương triều Minh đã nhanh chóng xây dựng và duy trì quan hệ ngoại giao với Đông Nam Á. Chính sách đối ngoại của triều Minh trong thời kỳ này dựa trên nhiều nền tảng, trong đó bối cảnh Đông Nam Á, những truyền thống ngoại giao của Trung Hoa và sự thay đổi trong thực lực của triều Minh về chính trị và quân sự là những cơ sở quan trọng.

Thứ nhất, sự diệt vong của đế quốc Nguyên (1271-1368) ở Trung Quốc, kéo theo sự suy yếu và biến mất của thế lực và

ảnh hưởng của người Mông Cổ trong khu vực. Trong thế kỷ XIII, nhiều nước Đông Nam Á đã chịu sức ép từ các cuộc chiến tranh xâm lược của người Mông Cổ. Sự suy giảm sức mạnh và ảnh hưởng của người Mông Cổ ở Đông Nam Á đã là một nền tảng quan trọng để các quốc gia trong khu vực khôi phục nền độc lập hoặc nâng cao sự tự chủ của mình trong quan hệ đối ngoại.

Thứ hai, cuối thế kỷ XIV - đầu thế kỷ XV là thời gian các mối giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á trở nên nhộn nhịp sau "kỷ nguyên thương mại sớm (900-1300)"⁽¹⁾. Nhiều thế lực mạnh về thương mại đã trỗi dậy. Buôn bán giữa lục địa và hải đảo kích thích sự hình thành

* ThS. Nguyễn Nhật Linh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội

của các mạng lưới thương mại. Các quốc gia Đại Việt, Champa, Majapahit... đều tham gia vào các mối quan hệ buôn bán ấy. Đặc biệt, cùng sự tham gia của thương nhân Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á, thương nhân Hồi giáo cũng đã góp phần tạo nên những mối liên hệ thương mại giữa Trung Quốc, Đông Nam Á với Ấn Độ và Tây Á.

Thời gian này các nước Đông Á có những biến động chính trị lớn. Các quốc gia như Ayutthaya, Majapahit, Vijaya và Đại Việt cũng có những thay đổi. Vương triều Trần sau thịnh thế trong thế kỷ XIII và nửa đầu thế kỷ XIV bắt đầu suy yếu từ nửa sau thế kỷ XIV. Trong bối cảnh đó, Hồ Quý Ly đã xây dựng ảnh hưởng của mình và thiết lập vương triều Hồ.

Thứ ba, lợi ích kinh tế trong quan hệ ngoại giao giữa triều Minh với Đông Nam Á cũng là một nền tảng quan trọng. Không chỉ các nước kề cận của Trung Quốc như Đại Việt, Ai Lao, mà các một số nước hải đảo ở Đông Nam Á như Java, Srivijaya, Malacca, Borneo cũng rất thường xuyên phái sứ giả tới cống nạp. Sứ đoàn từ các nước này tới triều Minh không phải chỉ để ngoại giao, mà còn tiến hành các hoạt động thương mại⁽²⁾.

Một nhân tố quan trọng ảnh đến ngoại giao của triều Minh là chính sách "hải cấm", được thực thi từ nửa sau thế kỷ XIV. Lệnh cấm biển và hệ thống kiểm soát bờ biển được nhà Minh lập nên để ngăn không cho người Trung Quốc từ nội địa vi phạm hải giới. Chính sách hải cấm cũng hạn chế đến thấp nhất người nước ngoài tới Trung Quốc qua đường biển. Lệnh hải cấm được thực hiện quyết liệt từ nửa cuối

thế kỷ XIV đến giữa thế kỷ XV, nhưng không đoạn tuyệt hoàn toàn quan hệ của Trung Quốc với bên ngoài, ngược lại, hàng hải của Trung Quốc vẫn phát triển, đặc biệt là vào đầu thế kỷ XV, khi các chuyến hàng hải thậm chí còn được tiến hành dưới sự bảo trợ của triều đình. Chính quyền chỉ cấm thuyền bè tư nhân ra nước ngoài hay buôn bán với ngoại quốc, song vẫn cho các đội tàu của triều đình xuất cảng và tàu thuyền từ các láng giềng tới Trung Quốc dưới danh nghĩa triều cống. Chính sách hải cấm được thực hiện cùng với chế độ triều cống và sự mở rộng hạm hải đã giúp triều đình Minh nắm độc quyền các hoạt động ngoại thương ở Trung Quốc và chiếm giữ vị thế quan trọng đối với thương mại của Đông Nam Á, góp phần giúp nhà Minh thiết lập quan hệ với các nước một cách thuận lợi, dù chỉ là trên hình thức⁽³⁾.

Dựa trên những nền tảng đó, vương triều Minh và các nước Đông Nam Á đã xây dựng, duy trì mối bang giao và sự cống nạp một cách thường xuyên. Từ thời Minh Thái Tổ Hồng Vũ, các quan hệ này đã dựa trên phương thức chủ yếu là việc cử khiến các đoàn sứ giả từ Trung Quốc đến ngoại giao ở Đông Á, chiêu dụ các nước này hoặc ban bố chiếu thư, ban tặng phẩm và sắc phong. Đại Việt và Cao Ly là những nước nhận được chiếu thư và chiêu dụ đầu tiên của triều Minh, sau đó là các nước Nhật Bản, Champa, Java, và nhiều nước Đông Nam Á khác⁽⁴⁾. Các nước Đông Nam Á cũng thường xuyên gửi các sứ đoàn tới Trung Quốc để triều cống, tạ lễ, dự khánh tiết và xin sắc phong.

Những hoạt động đó đã tạo nên một hệ thống các quan hệ triều cống và sắc phong

giữa các nước Đông Nam Á với vương triều Minh. Những nước triều cống sớm nhất là Đại Việt, Champa, Java. Ngoài các nước nói trên, triều Minh còn cử sứ giả tới chiêu dụ nhiều nước khác ở khu vực Đông Nam Á như Palembang, Borneo, Siam (Xiêm) khiến các nước này sau đó triều cống không dứt.

Khi ở các nước Đông Nam Á có sự thay đổi vương triều, hay quốc gia mới thành lập, triều Minh cũng không bỏ qua cơ hội xây dựng quan hệ. Trường hợp điển hình là với Malacca. Malacca thành lập năm 1400 và tới năm 1403 Vĩnh Lạc đã cử sứ thần tới nước này, mang theo các tặng phẩm tới để ban cho “tù trưởng” ở Malacca, “nói rõ ý định của triều đình dài kẻ ở xa tới”. “Tù trưởng” ở đây là Paramesvara đã sai người theo sứ giả triều Minh về cống nạp và được Vĩnh Lạc sắc phong là “Malacca quốc vương”⁽⁵⁾.

Tới những năm đầu thế kỷ XV, chính sách sách đối ngoại của triều Minh đối với Đại Việt nói riêng và Đông Nam Á nói chung đã có những thay đổi rất lớn. Trung Quốc đã không chỉ duy trì các quan hệ tương đối hòa bình với các nước, mà còn sẵn sàng dùng quân sự để gây sức ép, hay trực tiếp xâm lược hoặc can thiệp vào chính trị của các quốc gia Đông Nam Á.

2. Vị thế của Đại Việt trong chính sách đối ngoại của triều Minh với Đông Nam Á

Vị thế của Đại Việt ở Đông Nam Á là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của triều Minh. Nằm ở vị trí giao thoa giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, Đại Việt là một thể chế quan trọng

trong chính trị, quân sự cũng như kinh tế của khu vực. Đến thế kỷ XV, Đại Việt càng ngày càng giữ vị trí quan trọng trong hải thương ở khu vực Đông Nam Á⁽⁶⁾.

Giữa thế kỷ XIV, sự thành lập của triều Minh được đã làm thay đổi hệ thống thương mại ở khu vực. Con đường hàng hải qua Ấn Độ Dương khiến cho dòng chảy hàng hóa giữa Đông Á và Địa Trung Hải dễ dàng lưu thông. Đông Nam Á trở nên nhộn nhịp với các các hoạt động buôn bán, và trở thành khu vực quan trọng trong hải thương thế giới. Đại Việt trong những thế kỷ XI - XV đã có lợi thế để trở thành trung tâm luân chuyển hàng hóa giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Chính vì vậy, việc thiết lập quan hệ với Đại Việt là thiết yếu để các nước để duy trì sự giao lưu thương mại. Đại Việt đã tự xác lập vị thế như một “đế chế tiểu vùng”, trở thành một thực thể kinh tế - chính trị quan trọng ở Đông Nam Á. Khi tới Đại Việt, các quốc gia trong khu vực không chỉ muốn thiết lập quan hệ Đại Việt, mà còn thông qua đó để duy trì mối liên hệ với Trung Quốc⁽⁷⁾.

Cuối thế kỷ XIV, Đại Việt đã trở thành của ngõ quan trọng đối với triều Minh trong việc bành trướng ảnh hưởng chính trị, kinh tế và văn hóa xuống phía Nam. Thêm vào đó, vì ở ngay phía Nam của Trung Quốc, Đại Việt nhanh chóng được triều Minh quan tâm và sớm thiết lập quan hệ ngoại giao ngay từ khi triều Minh mới thiết lập.

Về chính trị và quân sự, từ nửa sau thế kỷ XIII, Đại Việt đã là một thế lực hùng mạnh ở Đông Nam Á lục địa. Cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên của Đại Việt đã tạo ra những ảnh hưởng mạnh mẽ đối với

các nước trong khu vực, đặc biệt là Champa và Khmer. Quan hệ Đại Việt - Champa cũng có vai trò quan trọng đối với Đông Nam Á lục địa và với Trung Quốc. Từ thế kỷ X, quan hệ Đại Việt - Champa diễn biến theo nhiều sắc thái khác biệt nhau, khi hòa bình hữu hảo, khi xung đột và chiến tranh. Những xung đột giữa Đại Việt và Champa đã xuất hiện ngay từ thời Lý, trở nên ác liệt vào cuối thời Trần và kéo dài cho tới hết thời của vương triều Hồ⁽⁸⁾.

Đến cuối thế kỷ XIV - đầu thế kỷ XV, Đại Việt đã giữ một vị thế quan trọng trong các mối quan hệ kinh tế, chính trị và quân sự với Đông Nam Á và với Trung Quốc. Đại Việt là một bộ phận trong chính sách đối ngoại nói chung của nhà Minh với các nước Đông Nam Á. Dù vậy, việc khảo sát các văn bản ngoại giao, hoạt động sứ giả và những sự biến hai nước cho thấy rằng, chính sách ngoại giao của triều Minh với Đại Việt có một số đặc điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, Đại Việt luôn là đối tượng đầu tiên chịu ảnh hưởng từ chính sách của triều Minh, đặc biệt là khi đường lối đối ngoại của triều Minh thay đổi. Đại Việt cũng là một trong những nước đầu tiên nhà Minh chiêu dụ thần thuộc. Trong suốt nửa cuối thế kỷ XIV, triều Minh gần như không hề dùng quân sự gây sức ép với các nước, Hồng Vũ thậm chí từng khẳng định Đại Việt, Champa và Chân Lạp là ba nước Trung Quốc sẽ không chinh phạt⁽⁹⁾. Hiện tượng này thay đổi trong những năm đầu thế kỷ XV, và Đại Việt là quốc gia đầu tiên chịu ảnh hưởng. Vĩnh Lạc sau khi lên ngôi đã dựa vào quân sự hùng mạnh gây sức ép với nhiều nước Đông Nam Á. Đại Việt thời vương triều Hồ là đối tượng đầu tiên chịu

sự đe dọa, và từ năm 1406 bị triều Minh xâm lược. Sau Đại Việt, hàng loạt quốc gia Đông Nam Á như Java, Palembang... chịu sức ép và những đe dọa tương tự khi các đoàn thuyền của triều Minh rầm rộ tiến xuống phía Nam.

Thứ hai, trong chính sách đối ngoại của triều Minh, Đại Việt có vị trí quan trọng số một. Trong hệ thống các nước thần thuộc của Trung Quốc thì Đại Việt, Cao Ly và Champa luôn được coi là quốc gia gần nhất với Trung Quốc cả về địa lý, quan hệ thân cận và ảnh hưởng văn hóa. Triều Minh đã từng khen ngợi các quốc gia từng chống nhà Nguyên như Đại Việt, Champa. Chiến thắng của Đại Việt trong nửa cuối thế kỷ XIV đã khiến Hồng Vũ đánh giá cao Đại Việt cả về vị thế cũng như về thực lực quân sự. Nhưng chính điều này đã gây ra sự chú ý đặc biệt của Vĩnh Lạc⁽¹⁰⁾. Điểm đặc biệt ấy của Đại Việt có thể đã là một trong những nguyên do khiến triều Minh tiến hành cuộc xâm lược trong đầu thế kỷ XV.

Thứ ba, Đại Việt có vị trí quan trọng còn bởi tham vọng bành trướng xuống phía Nam của triều Minh. Đầu thời Minh, xu hướng nam tiến trở nên rõ rệt trước hết với sự mở rộng ảnh hưởng chính trị, ngoại giao, sau đó bằng quân sự. Do sức ép của người Mông Cổ ở phía Bắc, Đông Nam Á là đối tượng tiềm năng và dễ dàng mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, ngoại giao và chính trị cho triều Minh. Vì thế, Đại Việt được triều Minh coi như một bàn đạp cho sự bành trướng xuống Đông Nam Á. Đại Việt trong lịch sử lại từng bị xâm lược và thống trị bởi các vương triều Trung Quốc. Sự xâm lược và cai trị Đại Việt còn nằm trong tham vọng của vua Minh để chứng tỏ

uy đức của mình như các nhiều bậc quân vương nổi tiếng trong lịch sử.

Dựa trên những nền tảng đó, từ năm 1369-1370, quan hệ triều cống - sắc phong Đại Việt (triều Trần) với triều Minh đã được thiết lập và duy trì tương đối hòa bình cho tới thời triều Hồ. Đặc biệt, khi Vĩnh Lạc lên ngôi ở Trung Quốc, trong quan hệ triều Minh - Đại Việt ngày càng xuất hiện nhiều sự biến. Năm 1403, triều Hồ lần đầu tiên sai sứ dâng biểu chúc mừng việc lên ngôi của Vĩnh Lạc, đồng thời xin nhà Minh ban phong danh hiệu và ngỏ ý triều cống thường xuyên. Hành động này của Đại Việt là sự đáp lễ với chiếu thư lên ngôi Vĩnh Lạc gửi tới, nhưng triều Minh lại lấy cớ nghi ngờ họ Hồ cướp ngôi không chấp nhận sắc phong ngay. Dù năm 1404, Hồ Hán Thương nhận được sắc phong “An Nam quốc vương”, quan hệ triều Minh - Đại Việt ngày càng xấu đi khi Champa nhiều lần cử người tới Trung Quốc để tố cáo Đại Việt về những xung đột và tranh chấp biên giới của hai nước. Trước những tố cáo của Champa, Vĩnh Lạc đã thể hiện thái độ đe dọa trừng phạt Đại Việt bằng quân sự. Nhưng thay đổi trong thái độ ngoại giao đã dẫn tới việc triều Minh mượn cớ “phù Trần diệt Hồ” tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt trong những năm 1406-1407⁽¹¹⁾.

3. Ảnh hưởng của quan hệ Minh - Đại Việt đối với Đông Nam Á

Ảnh hưởng quan hệ Minh-Đại Việt với Đông Nam Á thể hiện rõ rệt nhất trong những năm đầu thế kỷ XV, đặc biệt là khi triều Minh xâm lược Đại Việt. Từ các quan hệ ngoại giao tương đối hòa bình và ổn

định trong khoảng nửa cuối thế kỷ XIV, cuộc chiến tranh xâm lược đã tạo ra một cục diện chính trị hoàn toàn khác, chuyển trạng thái tương đối hòa bình của các quan hệ ngoại giao sang một cuộc chiến tranh khốc liệt trong gần 2 năm, và thậm chí tác động tới quan hệ ngoại giao giữa các nước Đông Nam Á.

Thứ nhất, sau khi xâm lược Đại Việt, chính sách đối ngoại của triều Minh với Đông Nam Á thể hiện rõ sự thay đổi. Trước đó, triều Minh đã thực thi và duy trì một đường lối ngoại giao tương đối mềm dẻo, dựa trên việc thiết lập quan hệ sắc phong và triều cống. Trong nửa cuối thế kỷ XIV, việc Đại Việt cũng như nhiều quốc gia triều cống Trung Quốc và nhận sắc phong từ triều Minh đã tạo ra một trật tự, trong đó quan hệ bang giao giữa Trung Quốc với các láng giềng được duy trì ổn định. Khác với việc Hồng Vũ thường thể hiện thái độ ôn hòa với Đại Việt, Vĩnh Lạc đã thay đổi hoàn toàn đường lối ngoại giao ấy. Ông phản ứng rất mạnh mẽ với những tranh chấp và xung đột biên giới giữa Trung Quốc với Đại Việt và giữa Đại Việt với Champa.

Chủ trương ngoại giao của Vĩnh Lạc không chỉ là đường lối quân sự thô bạo mà còn là sự nhấn mạnh tính chính thống, uy danh và vị thế “Thiên Tử” của ông trong Thiên hạ. Vĩnh Lạc luôn có xu hướng khẳng định tính đúng đắn trong hành xử của mình. Ông đã dùng quân sự để đoạt ngôi hoàng đế, bành trướng lãnh thổ, văn hóa, quyền lực và uy danh. Vĩnh Lạc còn thu dụng Hồ Nguyên Trừng, người con trưởng có số phận đáng lẽ ra tương đồng với ông - nhưng lại trở thành tù binh của ông, rồi thành quan lại làm việc cho ông.

Sự đối lập giữa Hồ Nguyên Trừng với Vĩnh Lạc, kẻ soán ngôi thống trị, có thể coi là sự biện minh của hoàng đế triều Minh cho đường lối của mình⁽¹²⁾.

Cuộc xâm lược của triều Minh và sự diệt vong của vương triều Hồ sau chiến tranh cũng tạo nên sự thay đổi trong cân bằng về chính trị và quân sự ở khu vực Đông Nam Á lục địa. Trong suốt nửa sau thế kỷ XIV cho tới năm 1407, sự cạnh tranh và xung đột giữa Đại Việt và Champa diễn ra liên tục. Cả hai nước này đều đề nghị Trung Quốc trợ giúp nhưng Hồng Vũ luôn giữ thái độ trung lập, và chính điều này đã khiến cho thế lực của Đại Việt và Champa không quá chênh lệch. Đầu thế kỷ XV điều này hoàn toàn thay đổi, Vĩnh Lạc nhiều lần trực tiếp bành vực Champa, lợi dụng tranh chấp giữa hai nước làm nguyên cớ để chèn ép Đại Việt trong ngoại giao. Năm 1403, khi Hồ Hán Thương đốc thúc mạnh mẽ việc tiến đánh Champa đã gây sức ép khiến Champa phải cầu cứu triều Minh. Sự can thiệp của quân Minh đã buộc quân đội Đại Việt phải từ bỏ cuộc tấn công. Các cuộc tấn công của Đại Việt vào Champa đã không thể tiếp tục khi triều Hồ gặp phải sự can thiệp của nhà Minh và phải đối phó với cuộc xâm lược năm 1406-1407⁽¹³⁾. Trong những năm từ 1400 đến 1407, những biến cố trong quan hệ Đại Việt - Champa rất quan trọng không chỉ với chính vương triều Hồ mà còn với quan hệ giữa triều Lê với Champa sau này⁽¹⁴⁾. Từ sự can thiệp của quân Minh cho tới khi cuộc chiến tranh giữa triều Minh và Đại Việt kết thúc, tương quan giữa Đại Việt và Champa đã đảo chiều hoàn toàn. Champa trở dậy mạnh mẽ dựa vào sự trợ giúp của

triều Minh. Năm 1407, khi cuộc chiến tranh đang diễn ra giữa triều Minh và Đại Việt, Champa đã tranh thủ thời cơ mang quân chiếm lại các vùng Châu Tư, Châu Nghĩa (Cổ Lũy trước đây), Châu Thăng, Châu Hoa (Chiêm Động trước đây).

Cuộc chiến tranh xâm lược của triều Minh đã tạo điều kiện cho sự lớn mạnh của Champa. Sau khi Đại Việt bị triều Minh xâm lược, Champa tận dụng cơ hội này tiến công Chân Lạp bấy giờ đã suy yếu, khiến cho nước này ở trong tình trạng hết sức nguy cấp (Chân Lạp lúc này cũng gặp phải mối đe dọa tới từ Ayutthaya ở phía tây, lúc này cũng đang hùng mạnh và mở rộng lãnh thổ)⁽¹⁵⁾. Chân Lạp đã buộc phải cầu cứu triều Minh. Vĩnh Lạc sau đó đã ban sắc dụ riêng để răn đe quốc vương Champa lúc này là Bà Đích Lại (Virabhadra varman)⁽¹⁶⁾. Dù vậy, bất chấp sự khiển trách của Vĩnh Lạc, Champa vẫn tiếp tục tấn công Chân Lạp trong những năm 1408 và 1414, nhờ đó mở rộng được biên giới phía nam của mình tới khu vực này⁽¹⁷⁾.

Ngoài Champa, các thể chế khác trong khu vực, chẳng hạn như Ai Lao, các quốc gia của người Thái, Khmer, cũng chịu ảnh hưởng từ những sự biến chính trị trong quan hệ giữa hai nước. Những người đứng đầu Ai Lao đã được Vĩnh Lạc phong tước vị, theo đó họ trở thành những thổ quan, tuyên úy..., giống như những "thổ quan" khác được triều Minh phong cho những kẻ cai trị ở vùng Sipsong Panna và ở Chiangmai. Khi Chân Lạp chịu sự đe dọa từ nhiều phía do các cuộc tấn công từ Champa và sự mở rộng của người Thái ở phía Tây, để hạn chế sự thống nhất và mở rộng của người Thái, những ảnh hưởng của

Champa, triều Minh đã ít nhiều tạo ra sự trợ giúp đối với Chân Lạp bằng việc công nhận và phong quan tước cho người đứng đầu ở Ai Lao, tạo ra một lực lượng trong khu vực.

Cuộc xâm lược Đại Việt cũng là sự bành trướng của triều Minh ở khu vực Đông Nam Á. Trong khoảng 30 năm đầu thế kỷ XV, triều Minh mở rộng mạnh mẽ với chuyến viễn du của Trịnh Hòa. Hiện tượng đã để lại nhiều dấu ấn trong lịch sử khu vực⁽¹⁸⁾. Mục đích và thành quả đạt được chủ yếu của cả cuộc chiến tranh cũng như những chuyến viễn du tốn kém là ảnh hưởng rất lớn của Vĩnh Lạc và vương triều Minh ở Đông Nam Á. Mục đích của Vĩnh Lạc trong sự mở rộng ảnh hưởng đó là khẳng định ngôi vị chính thống và thuận thiên mệnh của mình.

Sự xâm lược Đại Việt và những chuyến viễn du của Trịnh Hòa còn tạo ra nguy cơ xâm lược và can thiệp của triều Minh ở Đông Nam Á. Những can thiệp của Trung Quốc chủ yếu diễn ra từ năm 1407 cho tới khoảng năm 1414 - 1415 (sau 2 lần Vĩnh Lạc chinh phạt Mông Cổ). Ngay trong năm 1407, khi cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt đi vào giai đoạn kết thúc, thì ở Srivijaya (Cụu Cảng), các đoàn thuyền của Trịnh Hòa cũng có những hoạt động quân sự đầu tiên. Trần Tổ Nghĩa (tên theo *Minh thực lục* và *Minh sử*), người đứng đầu ở Cụu Cảng, đã bị Trịnh Hòa bắt và bị giải về Trung Quốc⁽¹⁹⁾. Trịnh Hòa chỉ định người đứng đầu ở Cụu Cảng là Tiến Khanh cử con rể của ông ta mang các vật phẩm đến triều đình Minh để tiến hành cống nạp Trung Quốc⁽²⁰⁾. Triều Minh ra lệnh đặt Cụu Cảng làm một ty tuyên úy, cử Tiến

Khanh làm tuyên úy sứ, coi Cụu Cảng là nước thần phục Trung Quốc⁽²¹⁾.

Những chuyến viễn du và sự mở rộng ảnh hưởng về vùng biển Đông Nam Á, kết hợp với những chấn động từ cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt đã trở thành chiến tích và công cụ để triều Minh phô trương sức mạnh của mình ở Đông Nam Á, dùng nó để đe dọa nhiều nước trong khu vực. Trong năm 1407, Vĩnh Lạc còn ban sắc dụ cho Java, trong đó thể hiện rõ sự tự phụ của ông về sức mạnh và chiến thắng cũng như việc ông ta đe dọa Java bằng quân sự và dùng trường hợp Đại Việt để đe dọa về hệ quả tương tự với Java⁽²²⁾. Sự đe dọa tương tự cũng được triều Minh áp dụng với nhiều nước Đông Nam Á khác.

Các quốc gia của người Thái có biên giới với tỉnh Vân Nam cũng chịu ảnh hưởng từ sự xâm lược Đại Việt của triều Minh. Vĩnh Lạc đã phong tước vị cho những người đứng đầu của khu vực này để kiểm soát sức mạnh của các quốc gia của người Thái. Những chính sách của Vĩnh Lạc đã cho thấy hai chủ trương chủ yếu của triều Minh với Đông Nam Á bây giờ. Về vùng hải đảo, triều Minh chủ trương hạn chế sự mở rộng ảnh hưởng của người Thái xuống bán đảo Mã Lai, đến vùng Malacca (nên Trung Quốc ủng hộ sự hình thành của Malacca và nhiều tiểu quốc Hồi giáo khác). Về vùng lục địa, triều Minh lại không thể hiện sự phản đối việc các hoạt động quân sự của Ayutthaya chống lại Miến Điện, Chân Lạp và các nhà nước khác của người Thái⁽²³⁾. Những chủ trương đó làm chia rẽ các thế lực trong khu vực, đặc biệt là của các quốc gia của người Thái, kiểm chế sức mạnh của họ và tạo ra những áp lực với các nước này

bằng việc đặt họ trước nguy cơ của cuộc tấn công xâm lược giống như ở Đại Việt, đặc biệt là khi triều Minh đã cho thấy quân đội hùng hậu của mình ở Vân Nam và cả ở vùng đất của Đại Việt mà bấy giờ Trung Quốc chiếm đóng.

Kết luận

Trong chính sách ngoại giao của triều Minh với Đông Nam Á, Đại Việt có ý nghĩa rất quan trọng, và là đối tượng đầu tiên trong những điều chỉnh và thay đổi của đường lối ngoại giao của triều Minh. Sự lên ngôi của hoàng đế Vĩnh Lạc đã tạo ra những chuyển biến lớn trong quan hệ giữa triều Minh và Đại Việt. Do tham vọng ngày càng lớn của triều Minh trong việc bành trướng xuống phía nam, những năm đầu thế kỷ XV đã chứng kiến những bước ngoặt hoàn toàn trong khuynh hướng của mối bang giao giữa triều Minh và Đại Việt.

Những chuyển biến trong chính sách đối ngoại của triều Minh với Đại Việt và cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt không chỉ để lại những hệ quả với Đại Việt. Với một số quốc gia Đông Nam Á, tác động của cuộc chiến tranh được thể hiện trực tiếp bằng những biến động về chính trị, biên giới và lãnh thổ quốc gia. Sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Đông Nam Á đã tạo ra một xu hướng "Hoa hóa" ở mức độ nhất định, để lại những dấu ấn của văn hóa Trung Quốc. Đối với hải đảo Đông Nam Á, những thay đổi trong ngoại giao của triều Minh và sự xâm lược Đại Việt đã đặt cơ sở cho việc Trung Quốc mở rộng những ảnh hưởng, can thiệp và sức ép về chính trị, quân sự của mình.

Quá trình bành trướng đó của vương

triều Minh không chỉ là nhằm xây dựng đế quốc hùng mạnh và mở rộng quyền cai trị trực tiếp với nước láng giềng. Để khẳng định tính chính thống và uy danh của mình, Vĩnh Lạc đã dùng quân sự và chính sách ngoại giao cứng rắn can thiệp thô bạo vào nền chính trị và chủ quyền các nước Đông Nam Á. Mặc dù vậy, sau khoảng 20 năm Trung Quốc bành trướng ảnh hưởng mạnh mẽ ở Đông Nam Á, sự tái lập của nước Đại Việt và sự hình thành của vương triều Lê đã một lần nữa khôi phục nền độc lập và tự chủ của người Việt khỏi sự thống trị của vương triều Minh./.

CHÚ THÍCH

1. Geoff Wade, "An Early Age of Commerce in Southeast Asia: 900-1900 C.E?", Workshop on *Dynamic Rimlands and Open Heartlands: Maritime Asia as a Site of Interactions*, Osaka University and National University of Singapore, 2006, tr. 28-36.
2. Momoki Shiro: *Đại Việt và thương mại biển Đông từ thế kỷ X đến thế kỷ XV*, trong: *Đông Á-Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại*, Nxb Thế Giới, Hà Nội, 2004, tr.312.
3. Wang Gungwu, *China and the Chinese overseas*, Times Academic Press, 1991; Anthony Reid, *The Unthreatening Alternative Chinese Shipping in Southeast Asia*, tham luận trong *Hội thảo khoa học về Phố Hiến*, Sơ Văn hóa Thông tin tỉnh Hải Dương, 2003.
4. *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, Hồ Bạch Thảo dịch và chú thích, NXB Hà Nội, 2010, tr.122.
5. D.G.E.Hall: *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, 1997, tr.324; *Minh sử*, trích trong *Nhị thập tứ sử*, quyển 325, phần

- về các nước Đông Nam Á, Tư liệu khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, tr.79; G.Coedés, *The Indianized States of Southeast Asia*, University of Hawaii, Honolulu, 1968, tr. 245.
6. Momoki Shiro, “Đại Việt và thương mại biển Đông từ thế kỷ X đến thế kỷ XV”, dd, tr.309.
 7. Nguyễn Văn Kim, “Các thương cảng vùng Nghệ-Tĩnh và giao thương khu vực thế kỷ XI-XIV”, trong: *Việt Nam, truyền thống kinh tế-văn hóa biển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 178-180.
 8. Nguyễn Thị Phương Chi, “Quan hệ giữa Đại Việt với Champa đời Trần (thế kỷ XIII - XIV)”, tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 8, 2007, tr. 38; Đinh Đức Tiến, “Quan hệ Đại Việt - Champa thế kỷ X - XV trong bối cảnh Đông Nam Á”, trong: *Việt Nam trong Lịch sử Thế giới*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, tr. 186-190.
 9. Denis Twitchee and John K. Fairbank (general editors), *The Cambridge History of China, Volume 7: Ming dynasty, 1368-1644*, Part I, Cambridge University Press, 2008, tr. 229.
 10. Mặc dù có nghiên cứu cho rằng Trung Quốc duy trì vị thế độc tôn của mình không phải bằng chính trị, quân sự, pháp luật mà chủ yếu dựa trên thế độc tôn về văn hóa, nền văn minh rực rỡ, tri thức, trật tự và tôn ti của xã hội (Li Zhaojie, “Traditional Chinese World Order”, *Chinese Journal of International Law* 1, 22, 2002, tr. 20-58); việc Đại Việt thắng lợi trong chiến tranh chống Mông-Nguyên là một hiện tượng khó chấp nhận với Trung Quốc, đặc biệt là khi Vĩnh Lạc nắm trong tay mình lực lượng quân đội hùng mạnh. Denis Twitchee and John K. Fairbank (general editors), *The Cambridge History of China, Volume 7: Ming dynasty, 1368-1644*, Sdd, tr. 229-231.
 11. *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, Sdd, Tập 1, tr.198; 199; 200; 202- 207; 212; 235-240; *Đại Việt Sử ký Toàn thư*, Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích. Nxb Khoa học Xã hội, 2004, Tập II, tr. 218-226.
 12. Kathlene Baldanza *Ming China and Vietnam: Negotiating Borders in Early Modern Asia*, Cambridge University Press, 2016, tr. 50-51.
 13. D.G.E.Hall: *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, 1997, tr. 306.
 14. Đinh Đức Tiến, “Quan hệ Đại Việt - Champa thế kỷ X - XV trong bối cảnh Đông Nam Á”, dd, tr. 191-192.
 15. D.G.E.Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, Sdd, tr. 306.
 16. *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, Sdd, Tập 2, tr.10.
 17. Pierre-Bernard Lafont, *Vương quốc Champa, Địa Dư, Dân Cư và Lịch Sử*, Champaka 11, Nxb Les Indes Sevantes, Paris, 2007, tr. 178-180.
 18. Xem: Geoff Wade, “The Zheng He Voyage - A Reassessment”, *Asia Research Institute, Working Paper Series*, No.31, October, 2004; Gavin Menzie, *1421 - The year China discovered America*, William Morrow Paperbacks, 2008.
 19. *Minh Thái Tông thực lục*, trong: *Minh thực lục*, Viên nghiên cứu trung ương Lịch sử và ngôn ngữ trung ương, Đài Bắc, 1966 (明實錄. 中央研究院歷史語言研究所校印. 臺北, 1966), tr. 987.
 20. Geoff Wade, “Ming China and Southeast Asia in the 15th Century: A Reappraisal”, in: *Asia Research Institute Working Paper Series No.28*, National University of Singapore, 2004, tr.11.
 21. *Minh sử*, trích *Nhị thập tứ sử* theo Súc ấn bách nạp, *Những việc liên quan đến Việt Nam trong lịch sử Trung Quốc*, tài liệu khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, tr.74.
 22. *Minh thực lục, Quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV- XVII*, Sdd, Tập 1, tr. 257.
 23. Denis Twitchee and John K. Fairbank (general editors), *The Cambridge History of China*, volume 8, Sdd, tr. 317-319.